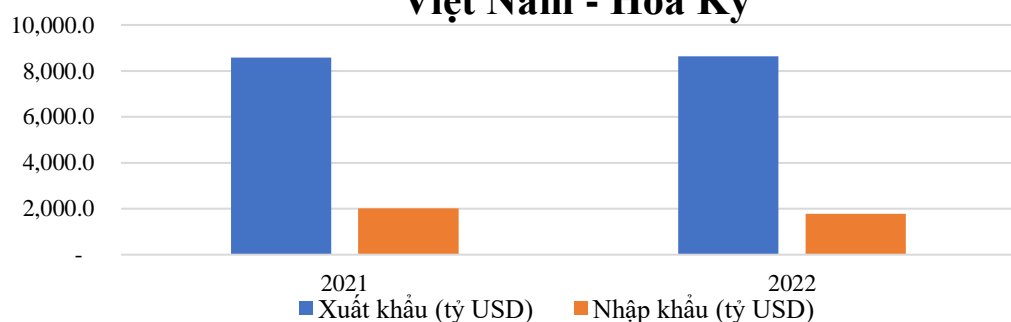


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



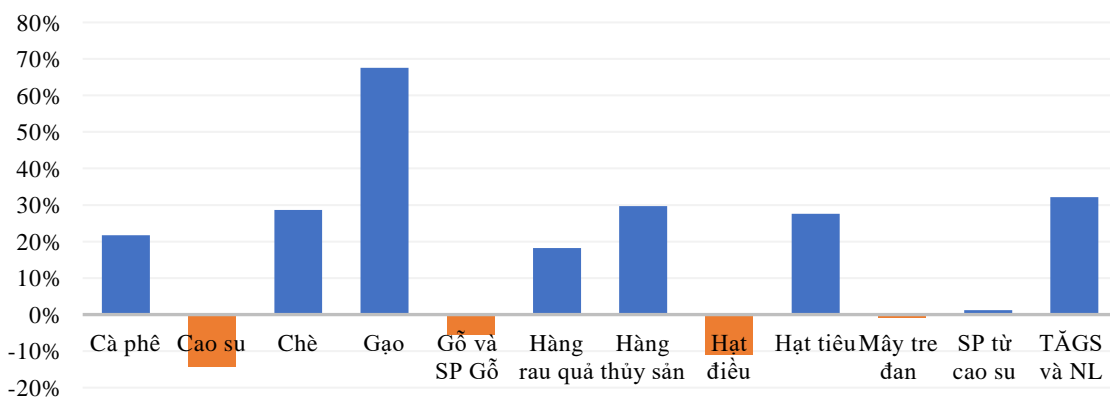
Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (7T – 2022/2021)

- Xuất khẩu ▲ 0,8%
- Nhập khẩu ▼ 7,4%

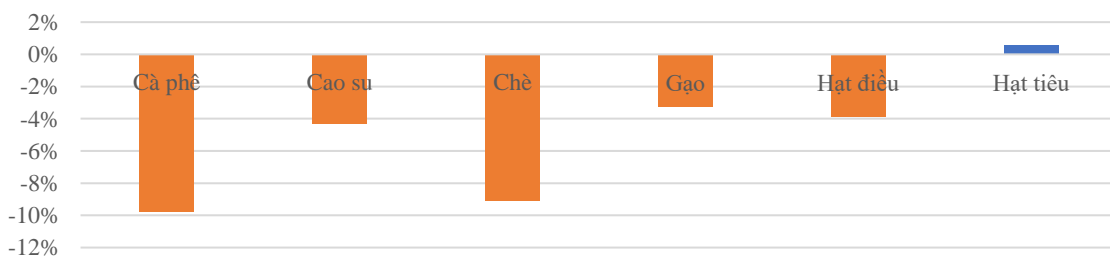
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 7T-2022 so với 7T-2021



So sánh 7T-2022/2021

- Cà phê ▲ 21,7%
- Cao su ▼ 14,3%
- Chè ▲ 28,6%
- Gạo ▲ 67,6%
- Gỗ và SP Gỗ ▼ 5,6%
- Rau quả ▲ 18,2%
- Thủy sản ▲ 29,7%
- Hạt điều ▼ 11,0%
- Hạt tiêu ▲ 27,6%
- Mây tre đan ▼ 1,0%
- SP từ cao su ▲ 1,2%
- TĂGS và NL ▲ 32,2%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T7/2022 so với T6/2022



So sánh giá xuất khẩu bình quân T7-2022/2021

- Cà phê ▼ 9,8%
- Cao su ▼ 4,3%
- Chè ▼ 9,1%
- Gạo ▼ 3,2%
- Hạt điều ▼ 3,9%
- Hạt tiêu ▲ 0,6%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 7 tháng đầu năm 2022, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường lớn nhất với kim ngạch xuất khẩu khoảng 8,64 tỷ USD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2021, tăng 14,1% so với 6 tháng đầu năm 2022. Trong số các nhóm mặt hàng nông lâm thủy sản, Hoa Kỳ đang mua nhiều nhất hạt điều, thủy sản, gỗ, cao su của Việt Nam. Trong đó, riêng gỗ và sản phẩm gỗ chiếm tới 64,3% tổng kim ngạch xuất khẩu ngành hàng nông sản sang Hoa Kỳ trong 7 tháng đầu năm nay.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 7/2022 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 64,1%), thủy sản (15,3%), hạt điều (6,5%). So với tháng 6/2021, các mặt hàng NLTS của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ có xu hướng giảm trong đó gỗ và các sản phẩm từ gỗ giảm 11,1%, thủy sản giảm 24,4%, rau quả giảm 23,3%, sản phẩm từ cao su giảm 10,4%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Theo dữ liệu của Chính phủ Mỹ công bố ngày 25/8, tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ đã giảm trong quý 2 song vẫn thấp hơn so với dự báo trước đó trong bối cảnh số liệu điều chỉnh cho thấy xuất khẩu và chi tiêu tăng mạnh hơn. GDP quý 2 của Mỹ đã giảm 0,6% so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn mức dự báo giảm 0,9% mà Bộ Thương mại Mỹ đưa ra vào tháng 7 vừa qua. Báo cáo của Chính phủ Mỹ nêu rõ việc điều chỉnh tăng dự báo trong dữ liệu gần đây nhất chủ yếu phản ánh đà tăng xuất khẩu và mức giảm chi tiêu ít hơn dự kiến của chính phủ liên bang trong khi chi tiêu tiêu dùng tăng cao.

Theo số liệu Cục thống kê Lao động, lạm phát đã tăng với tốc độ nhanh nhất trong nhiều thập niên. Mức giá mà người tiêu dùng trả cho hàng hóa và dịch vụ đã tăng 8,5% trong tháng 7/2022 so với một năm trước đó. Giá khí đốt gần đây đã giảm, song giá hàng tạp hóa vẫn rất tăng. Giá thực phẩm đã tăng 10,9% trong 12 tháng qua tính đến tháng 7/2022, trong đó giá nhiều mặt hàng tiêu dùng hằng ngày tăng cao hơn như trứng tăng 38%, cà phê tăng hơn 20% và thịt nguội cũng tăng cao hơn.

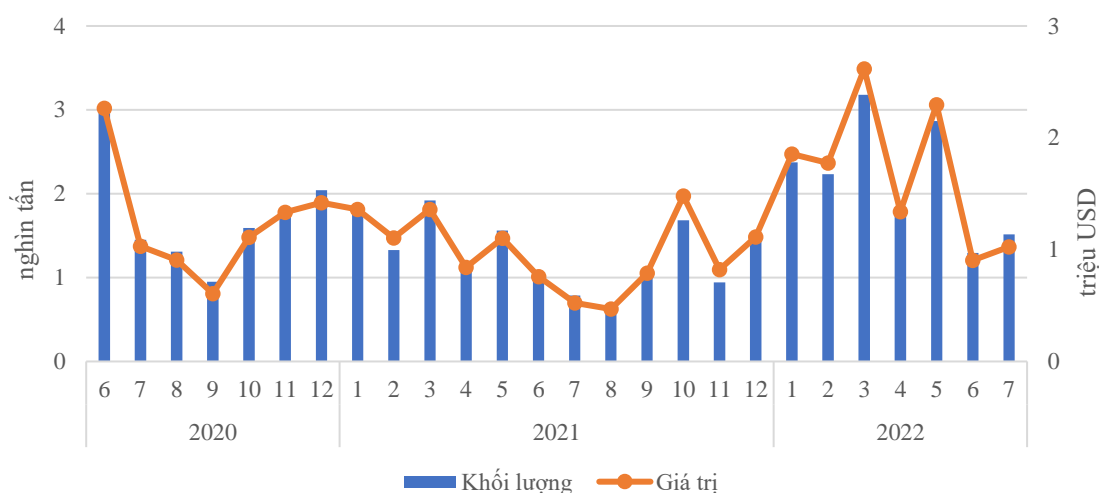
Cục Dự trữ Liên bang (Fed) ngày 7/9 đã công bố báo cáo Sách Be (Beige Book) định kỳ về tình hình kinh tế Mỹ, trong đó dự báo nền kinh tế lớn nhất thế giới sẽ tăng trưởng chậm cho đến cuối năm và lạm phát sẽ giảm.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2022, Việt Nam xuất khẩu được 1,5 nghìn tấn gạo, trị giá 1,0 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 17,3% về khối lượng và 13,5% về giá trị so với tháng trước; nhưng tăng 92,5% về khối lượng và 95,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt 15,3 nghìn tấn, trị giá 11,8 triệu USD, tăng 60,9% về khối lượng và 67,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

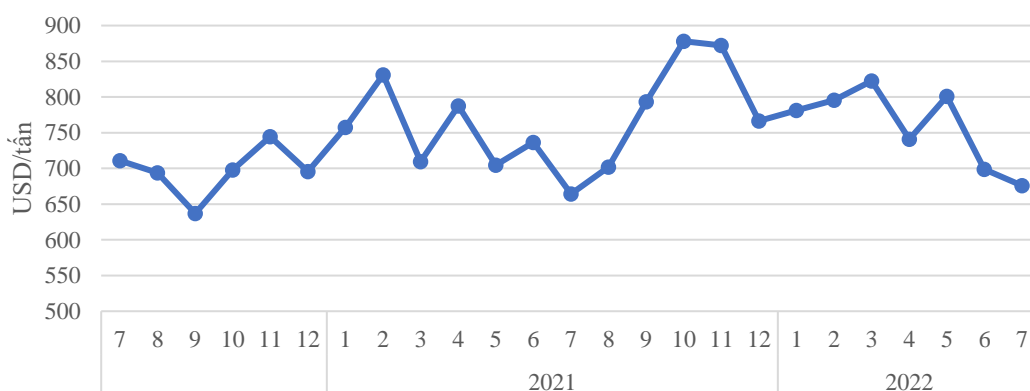
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2022 đạt 676,0 USD/tấn, giảm 3,2% so với tháng trước nhưng tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2021.

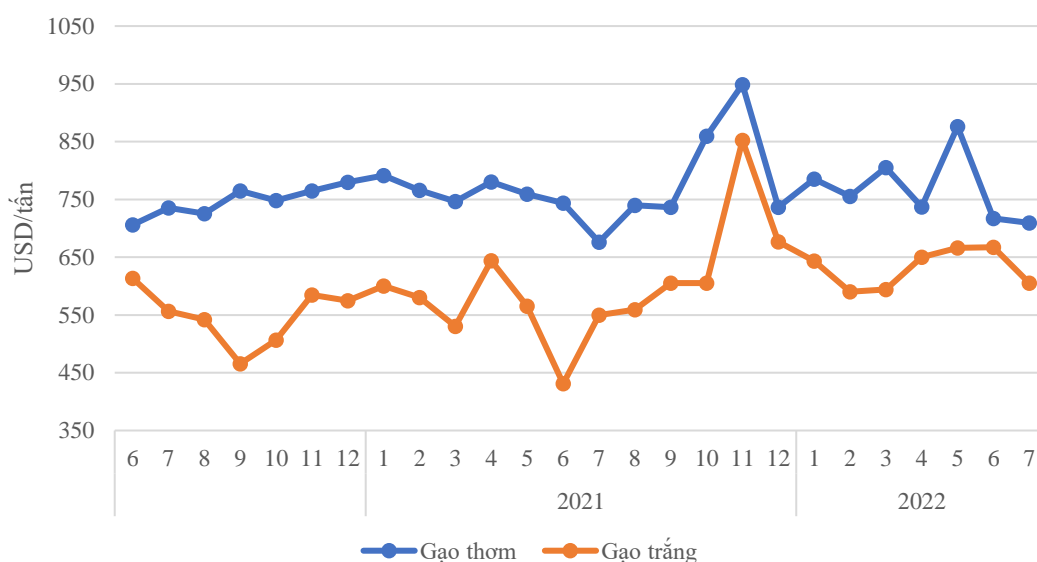
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,3 nghìn tấn, trị giá 0,9 triệu USD (chiếm 83,5% về khối lượng và 84,2% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 128,5% về khối lượng và 128,0% về giá trị. Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 7/2022 đạt trung bình 709,2 USD/tấn, giảm 1,1% so với tháng trước nhưng tăng 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



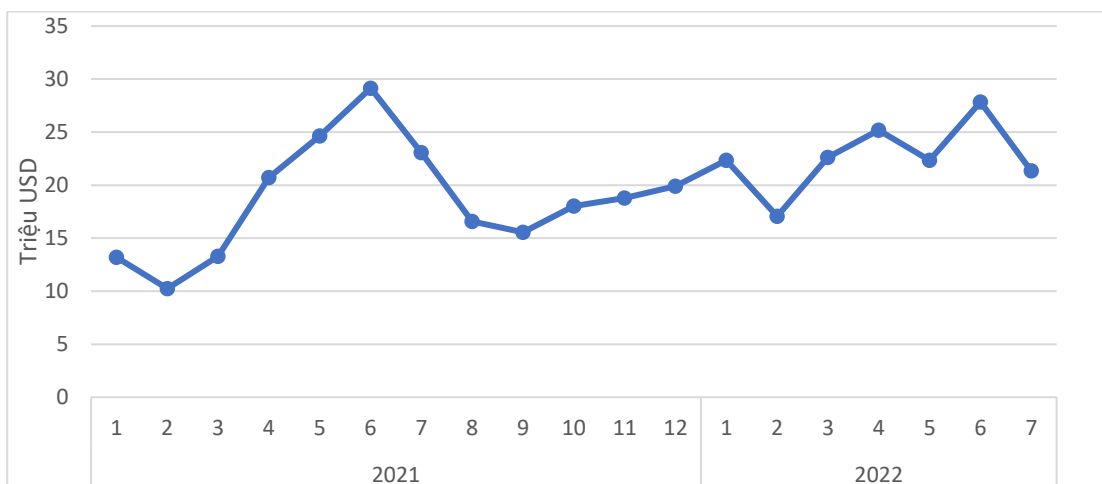
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7 năm 2022 đạt 21,3 triệu USD, chiếm 8,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 23,3% so với tháng trước và giảm 7,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả 7 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 158,2 triệu USD, chiếm 8,2% thị phần, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

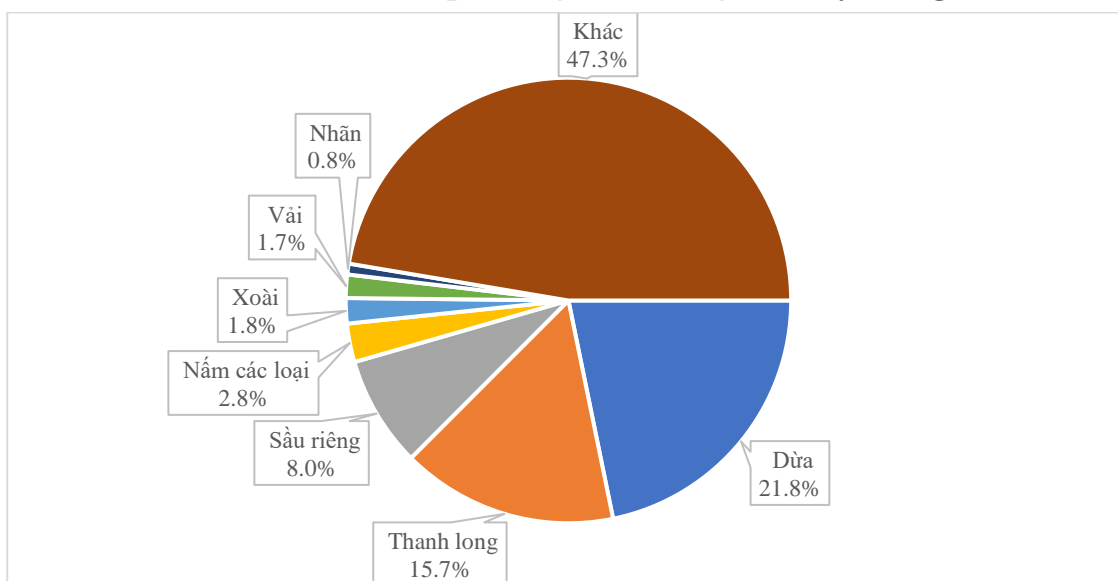


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 7 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 11,3 triệu USD (chiếm 53,1% thị phần, giảm 7,2% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 10,0 triệu USD (chiếm 46,9% thị phần), giảm 7,7%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 6,6 triệu USD, tăng 66,6% so với cùng kỳ năm trước; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 1,5 triệu USD (giảm 56,4%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 839,2 nghìn USD (giảm 48,9%); v.v.

Trong tháng 7 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: dứa đạt 4,6 triệu USD (chiếm 21,8% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 63,0% so với cùng kỳ năm 2021; thanh long đạt 3,4 triệu USD (chiếm 15,7%), tăng 2,9%; sầu riêng đạt 1,7 triệu USD (chiếm 8,0%), giảm 54,1%; nấm các loại đạt 597,1 nghìn USD (chiếm 2,8%), giảm 49,5%;

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7 năm 2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 7 năm 2022 đạt 33,8 triệu USD, chiếm 19,0% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 178,5 triệu USD, chiếm 16,8% thị phần, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 7/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: hạt dẻ đạt 10,0 triệu USD, chiếm 29,6% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 52,2% so với cùng kỳ năm 2021; hạnh nhân đạt gần 9 triệu USD (chiếm 26,6%), tăng 33,2%; anh đào đạt 6,1 triệu USD (chiếm 17,9%), tăng 10,9%; nho đạt 5,0 triệu USD (chiếm 14,8%), tăng 0,5%; khoai tây đạt 1,6 triệu USD (chiếm 4,9%), tăng 14,7%; v.v.

4. CÀ PHÊ

Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, nhập khẩu cà phê của nước này trong tháng 6/2022 đạt 146,23 nghìn tấn, trị giá 857,3 triệu USD, tăng 15,4% về lượng và tăng 11,1% về trị giá so với tháng 5/2022, so với tháng 6/2021 tăng 3,1% về lượng và tăng 48,2% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu cà phê của Hoa Kỳ đạt 833,96 nghìn tấn, trị giá 4,68 tỷ USD, tăng 5,4% về lượng và tăng 51,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Về giá nhập khẩu, tháng 6/2022 giá nhập khẩu bình quân cà phê của Hoa Kỳ đạt mức 5.862 USD/tấn, giảm 3,7% so với tháng 5/2022, nhưng tăng 43,7% so với tháng 6/2021.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Hoa Kỳ đạt mức 5.615 USD/tấn, tăng 43,5% so với cùng kỳ năm 2021. Trong các nguồn cung chính, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Hoa Kỳ ghi nhận mức tăng cao nhất từ Braxin (tăng 68,1%); mức tăng thấp nhất từ Việt Nam (tăng 29%).

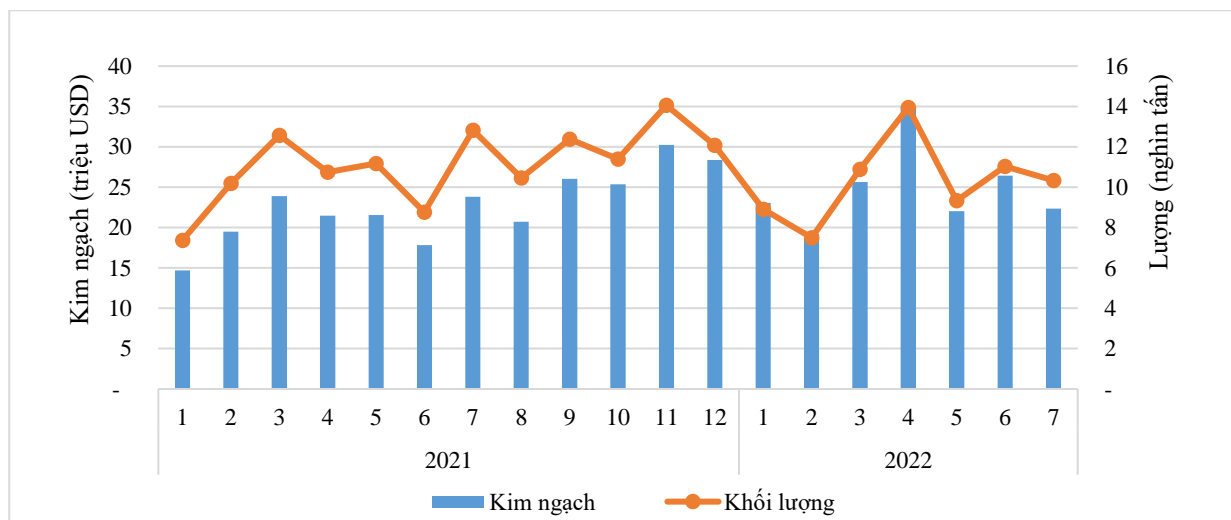
Về nguồn cung, trong 6 tháng đầu năm 2022, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu cà phê từ các nguồn cung chính Colombia, Việt Nam, Guatemala nhưng giảm nhập khẩu từ Braxin và Honduras.

Số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ cũng cho thấy nửa đầu năm 2022, Hoa Kỳ giảm nhập khẩu cà phê từ Braxin, giảm 8,6% về lượng, nhưng tăng 53,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 228,3 nghìn tấn, trị giá 941,61 triệu USD. Thị phần cà phê của Braxin trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm từ 31,56% trong 6 tháng đầu năm 2021 xuống 27,38% trong 6 tháng đầu năm 2022.

Trong khi đó, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu cà phê từ Việt Nam, tăng 7,8% về lượng và tăng 39,1% về trị giá so với 6 tháng đầu năm 2021, đạt xấp xỉ 71 nghìn tấn, trị giá 168 triệu USD trong 6 tháng đầu năm 2022. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 8,32% trong 6 tháng đầu năm 2021 lên 8,51% trong 6 tháng đầu năm 2022.

Xuất khẩu cà phê của của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 07/2022 ước đạt 10,3 nghìn tấn với trị giá 22,3 triệu USD, giảm 6,3% về khối lượng và 15,5% về giá trị so với tháng trước, và giảm 19,4% về khối lượng và 6,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

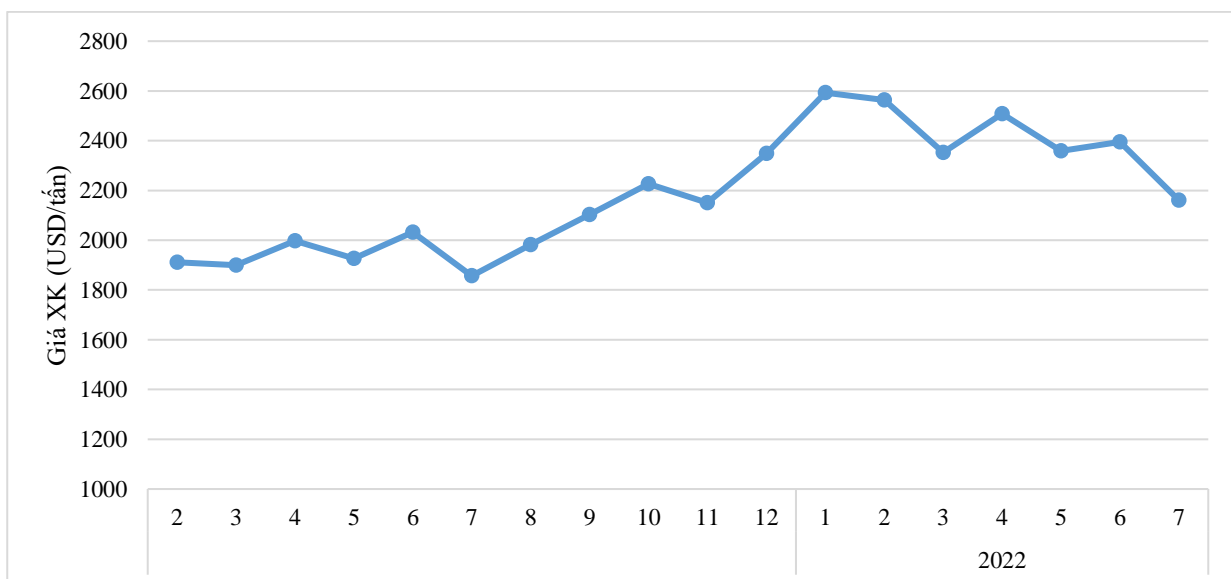
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 07/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.161 USD/tấn, giảm 9,8% so với tháng trước và tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2021.

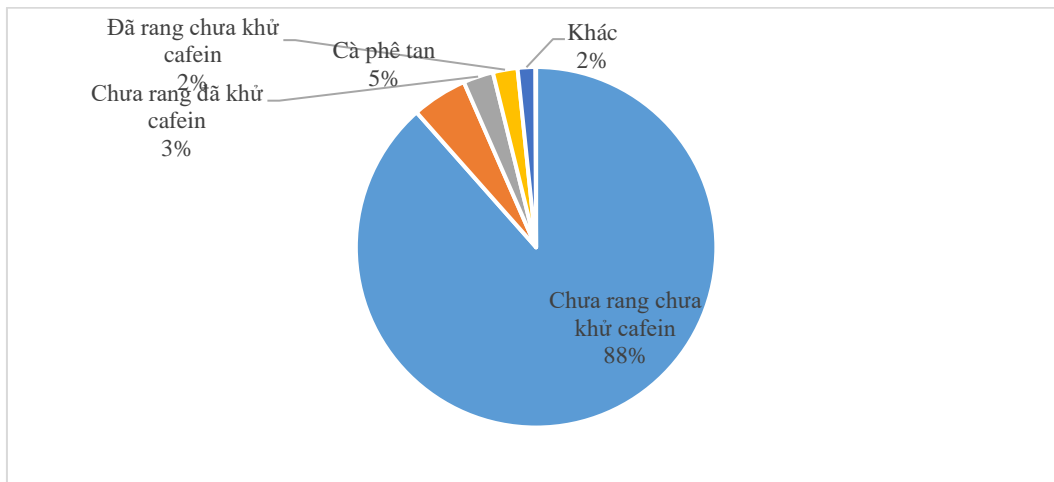
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 07/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 19,8 triệu USD, chiếm 88,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 1,1 triệu USD, chiếm 5,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử caffein và cà phê đã rang chưa khử caffein, chiếm lần lượt 2,7% và 2,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 8: Chứng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 07/2022

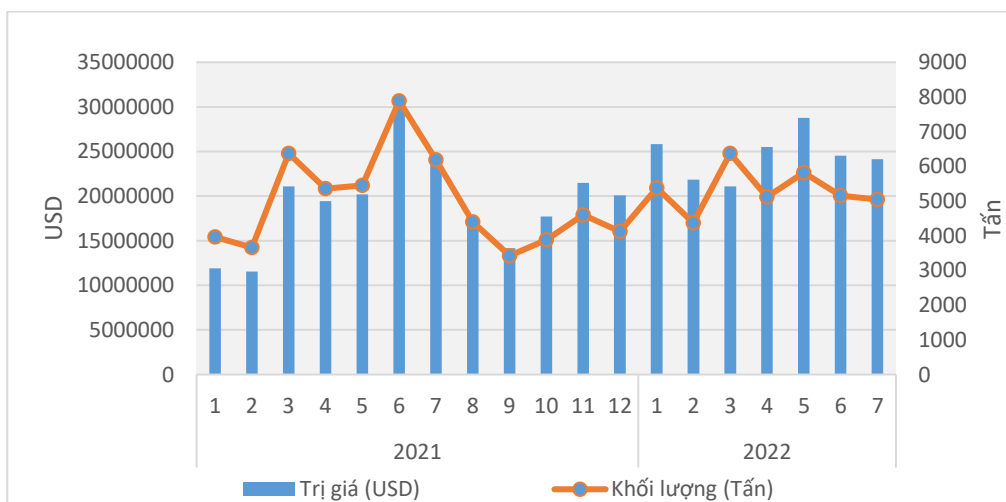


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 7/2022 đạt 5.042 tấn, tương ứng với 24,1 triệu USD, giảm 2,15% về khối lượng và 1,16% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này giảm 18,53% về khối lượng 1,35% về giá trị.

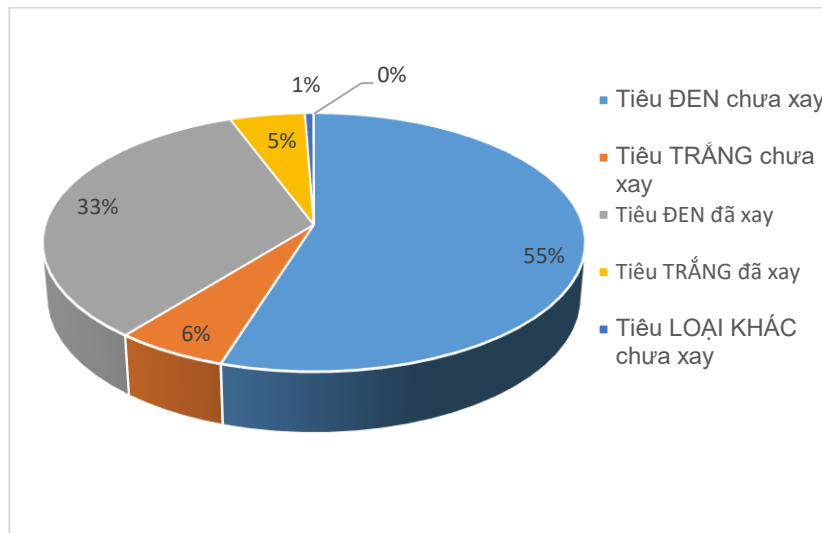
Hình 9: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 55% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu sang Hoa Kỳ, giảm 3,48% so với tháng trước và 13,33% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 33%, tăng 29,41% so với năm trước và 13,36% so với tháng trước.

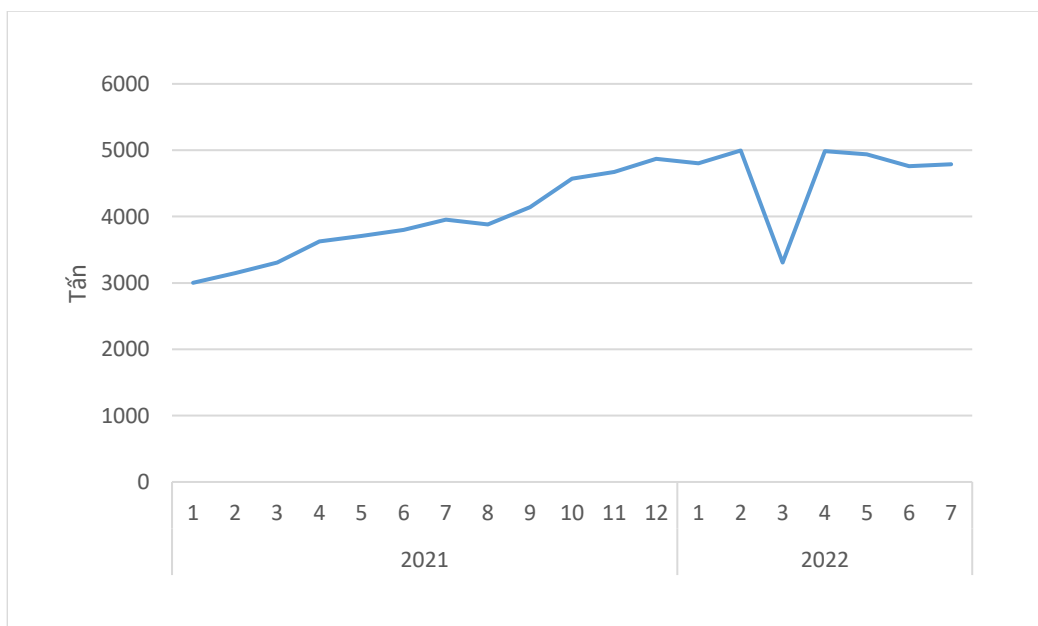
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 7/2022 đạt 4.786 USD/tấn, tăng 0,6% so với tháng và 21,1% so với cùng kỳ năm 2021.

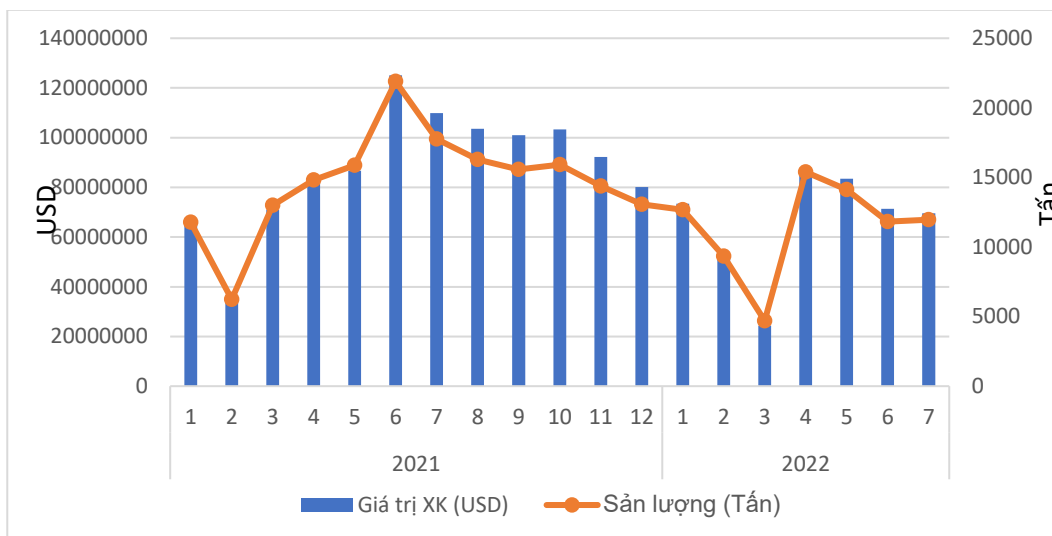
Hình 11: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2022, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 11,9781 nghìn tấn, trị giá 69,5 triệu USD, tăng 1,3% về khối lượng và giảm 2,6% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu điều sang thị trường này cũng giảm 32,6% về khối lượng và 36,7% về giá trị.

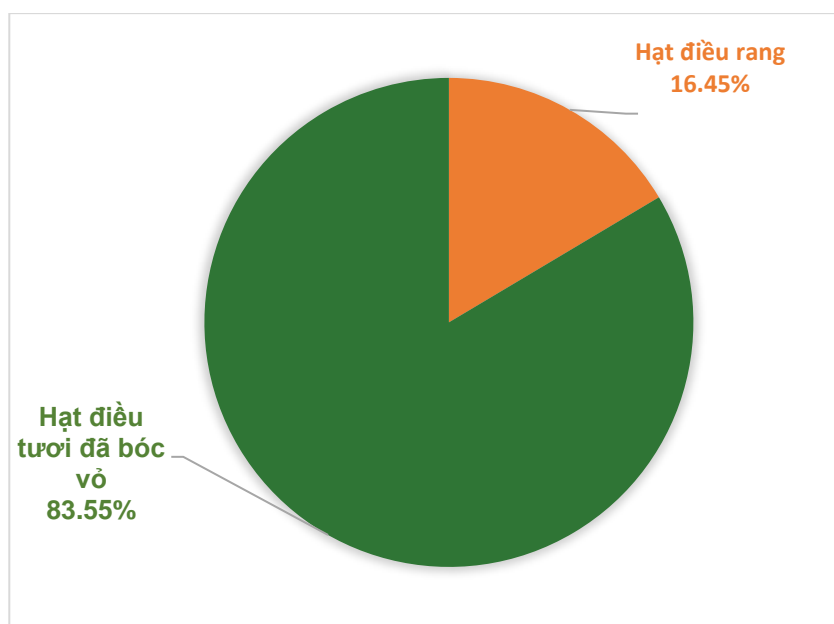
Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 83,55%, đạt 53,1 triệu USD, giảm 9,9% so với tháng trước và 45,2% so với cùng kỳ năm trước. Hạt điều rang đạt 10,5 triệu USD chiếm 16,45%, giảm 15,5% so với tháng trước kỳ năm trước và 6,6% so với cùng kỳ năm trước.

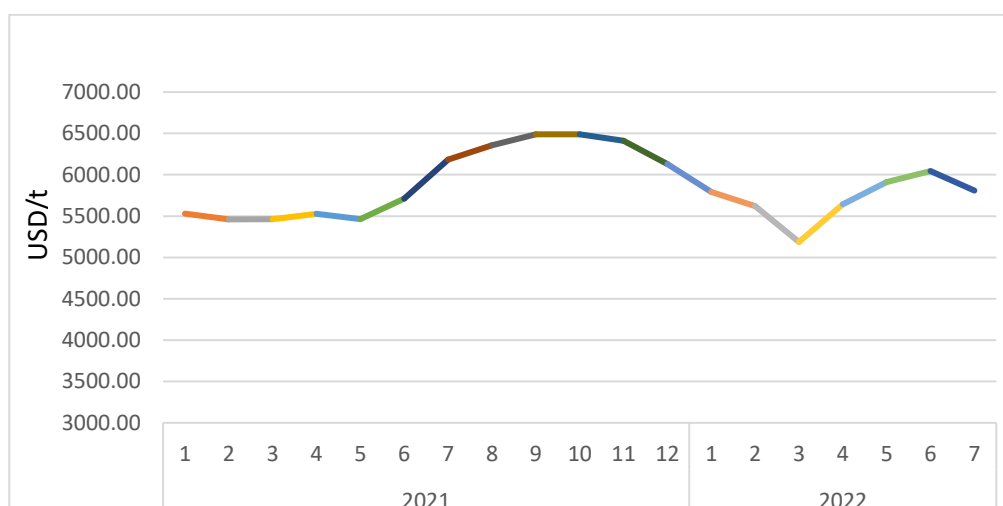
Hình 13: Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ có dấu hiệu giảm. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 7/2022 đạt 5.809 nghìn USD/tấn, giảm 3,9% so với tháng trước và 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 5,6 USD/kg, tăng 4,1% so với tháng trước và 70,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỦY SẢN

Theo dữ liệu từ IRI và 210 Analytics, tháng 7/2022, doanh thu bán hải sản tươi sống và đông lạnh tại các siêu thị của Hoa Kỳ tiếp tục giảm do lạm phát cao; trong khi doanh thu bán hải sản bảo quản (đóng hộp/túi) lại tăng. Theo đó, tháng 7/2022 doanh thu bán thủy sản đông lạnh giảm 7,4% so với tháng trước, xuống 651 triệu USD; thủy sản tươi sống giảm 9,9% xuống 638 triệu USD. Thủy sản bảo quản (đóng hộp/túi) là loại thủy sản duy nhất có doanh thu bán hàng tăng, tăng 6,7% lên 261 triệu USD.

Theo dữ liệu từ NPD Group, người tiêu dùng Mỹ giảm số lần ăn tại nhà hàng trong quý 2/2022 do lạm phát và giá cả tăng cao. Theo đó, số lần ăn tại nhà hàng cũng như đặt hàng trực tuyến trong quý 2/2022 giảm 2% so với quý 2/2021 và thấp hơn 6% so với quý 2/2019 (thời điểm trước đại dịch Covid-19). Tuy nhiên, chi tiêu của người tiêu dùng tại các nhà hàng đã tăng 2% trong quý 2/2022 so với quý 2/2021 do giá cả tăng cao.

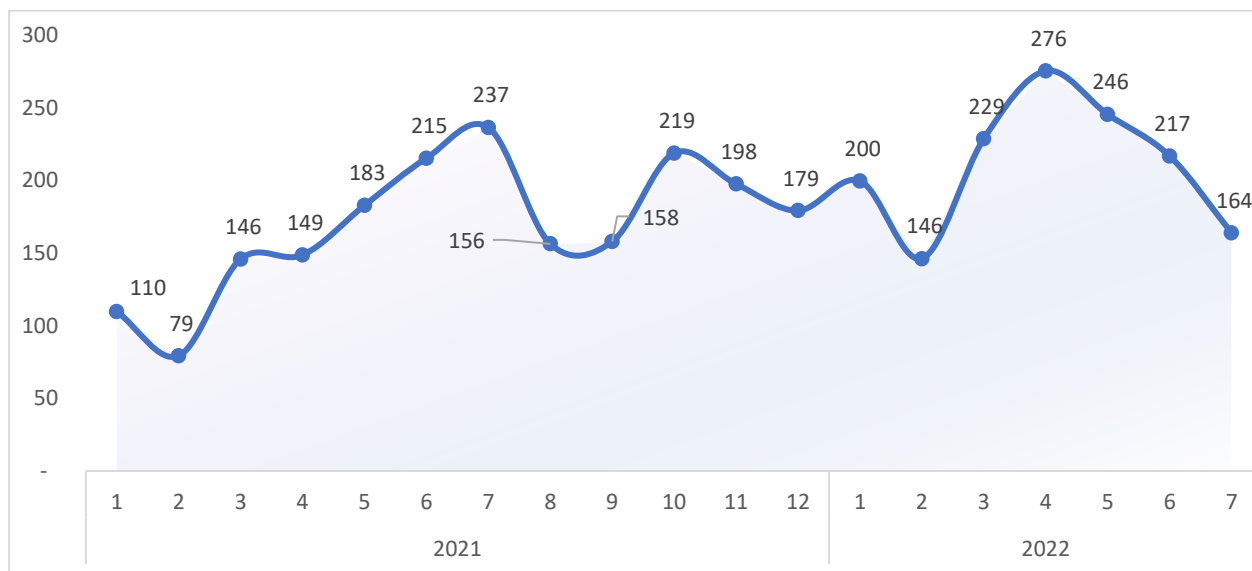
Theo Cơ quan Xúc tiến xuất khẩu, phát triển sản phẩm thủy sản Ấn Độ (MPEDA), trong quý 2/2022, xuất khẩu thủy sản của Ấn Độ đạt 1,99 tỷ USD, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sang Châu Âu chiếm khoảng 15% tổng kim ngạch xuất

khẩu thủy sản Ấn Độ. MPEDA dự báo xuất khẩu thủy sản của Ấn Độ sang EU sẽ tăng trong những năm tới nhờ EU có thể sẽ nới lỏng một số biện pháp hạn chế đối với thủy sản của nước này. Tôm đông lạnh vẫn là mặt hàng thủy sản xuất khẩu chính của Ấn Độ, chiếm 53% về số lượng và 75% về trị giá trong tổng xuất khẩu thủy sản. Mỹ là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Ấn Độ (chiếm 43% thị phần); tiếp theo là Trung Quốc và Châu Âu (đều 15%) và Nhật Bản (9%)

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam nhưng có xu hướng giảm mạnh so với tháng trước. Theo tổng cục hải quan, tháng 7/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt trên 164,05 triệu USD, chiếm 17,4% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 7 tháng đầu năm 2022 đạt 1,47 tỷ USD, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2022

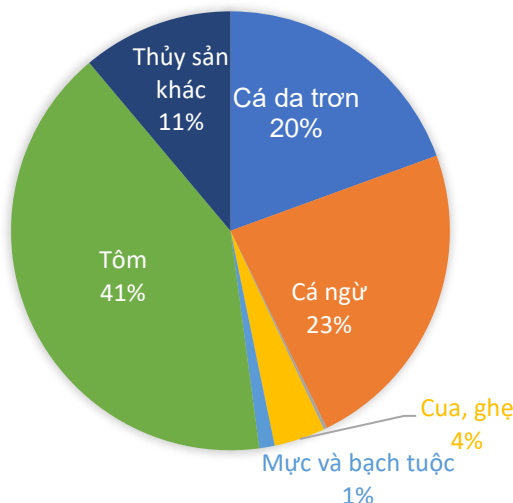
DVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hoa Kỳ vẫn là thị trường thủy sản lớn nhất của Việt Nam và vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục xu hướng chững lại kể từ tháng 4/2022 do lạm phát và nhu cầu tiêu thụ nội địa đang có xu hướng giảm. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 7/2022, chiếm 41%, cá ngừ chiếm 23,3%.

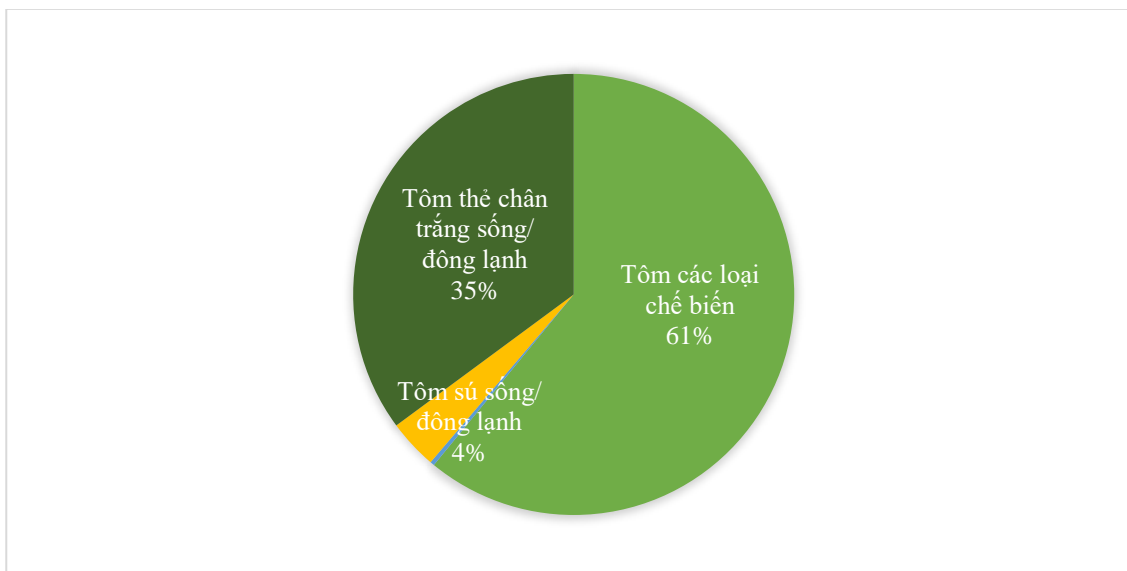
Hình 16: Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2022



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 7/2022, xuất khẩu tôm chế biến các loại của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 41 triệu USD, chiếm 60,9% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, giảm 34,4% so với tháng 6/2021; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 23,6 triệu USD, chiếm 35,1%, giảm 66,3%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 2,4 triệu USD, chiếm 3,6%, giảm 74,5%; tôm các loại sống/ đông lạnh đạt 0,2 triệu USD, chiếm 0,3%, giảm 85,2%.

Hình 17: Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 7/2022, cá da trơn cũng có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước, giảm 2,2% và giảm 27,8% so với tháng trước. Giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 30,6 triệu USD,

giảm 4,4% so với năm 2021 và giảm 30% so với tháng 6/2022. Cá tra sống/đông lạnh, trừ phi lê đạt 1,3 triệu USD, tăng 121,7% so với cùng kỳ năm trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 7/2022 như sau: Cá ngừ đạt 38,3 triệu USD, tăng 34,9% so với tháng 7/2021; cua, ghẹ đạt 6,2 triệu USD, giảm 29,9%; mực bạch tuộc đạt 1,9 triệu USD, giảm 53,2% và thủy sản khác đạt 18,2 triệu USD, giảm 17,6%.

Tháng 7/2021, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 11,5 USD/kg, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2021; cá da trơn đạt 6 USD/kg, tăng 26,4%. Cụ thể

Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	6.0	26.4%	6.5%
2	Cá ngừ	13.0	25.2%	-0.8%
3	Cua, ghẹ	23.0	30.5%	8.0%
4	Mực và bạch tuộc	14.0	14.9%	49.9%
5	Tôm	11.5	-2.3%	-8.4%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

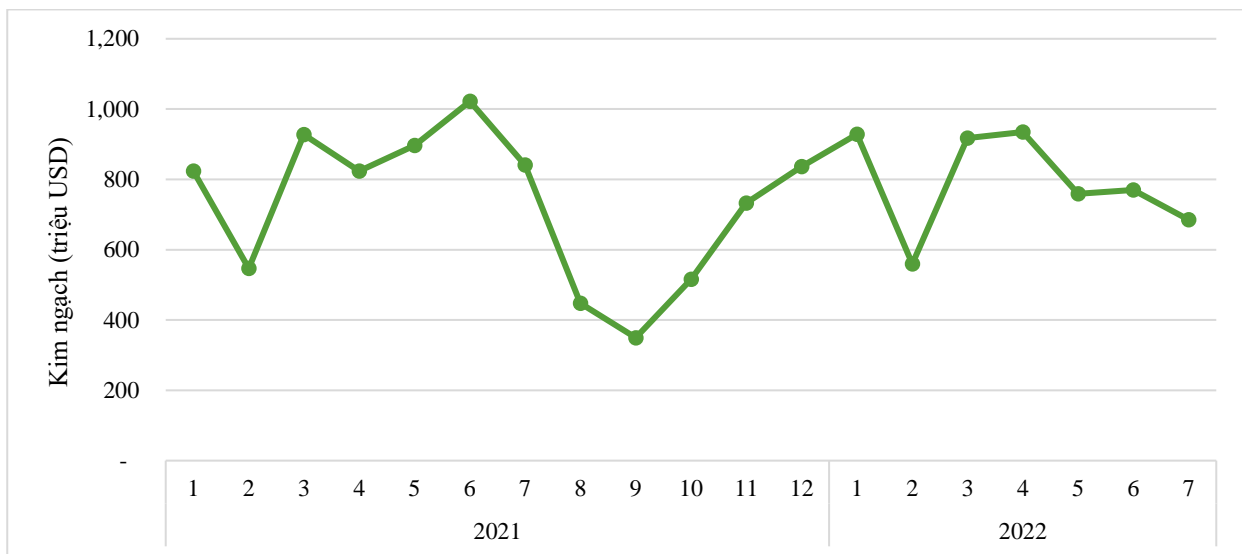
7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, nửa đầu năm 2022 trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ đạt 13,7 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2021.

Hoa Kỳ nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ nhiều nhất từ thị trường Việt Nam, đạt 4,9 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam đang có xu hướng giảm, chiếm 36,2% tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ, giảm 3,2 điểm % so với cùng kỳ năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 07/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 685,0 triệu USD, giảm 11,1% so với tháng trước và giảm 18,5% so với cùng kỳ năm 2021.

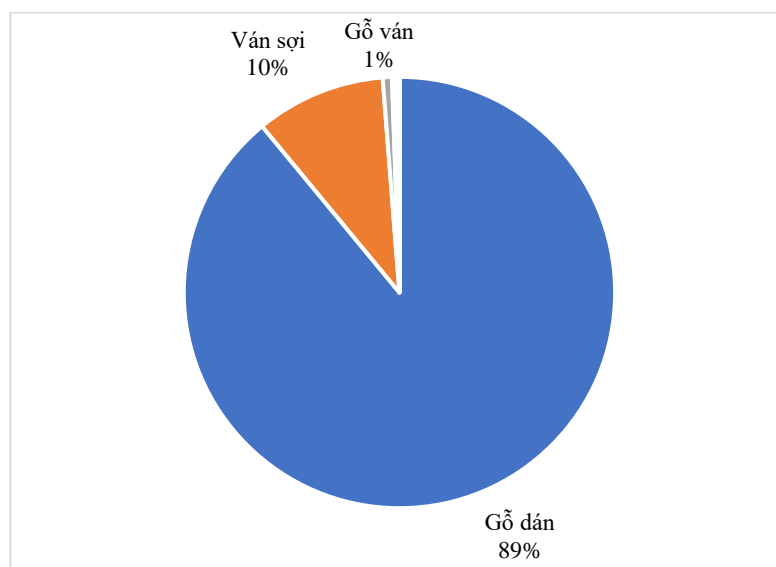
Hình 18: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 07/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 38,1 triệu USD, chiếm 89,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 4,2 triệu USD, chiếm 9,7% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ ván và gỗ xẻ, chiếm lần lượt 0,7% và 0,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 19: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 07/2022

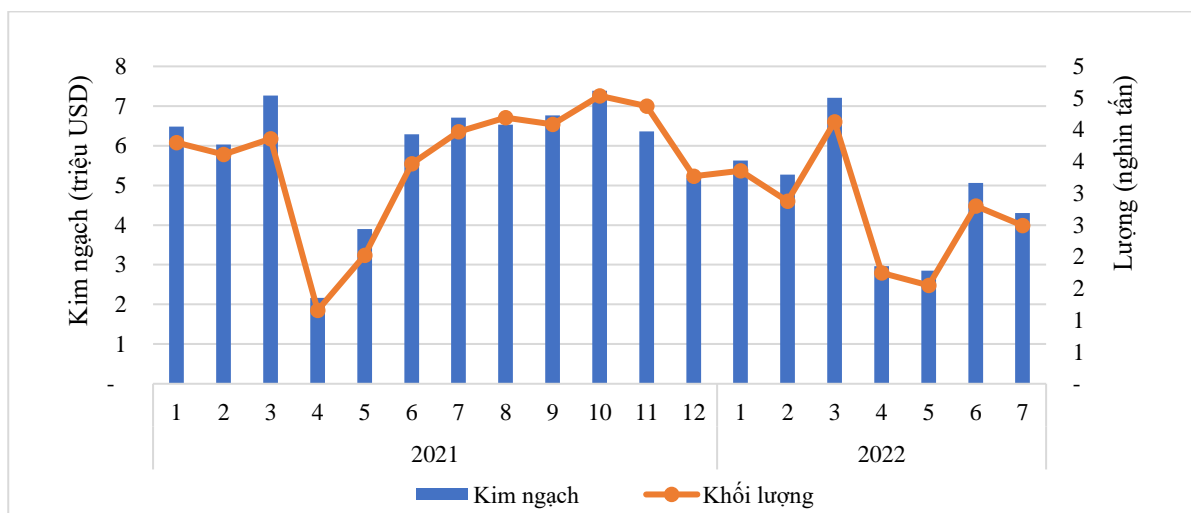


Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 07/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 2,5 nghìn tấn với trị giá 4,3 triệu USD, giảm 11,1% về khối lượng và 14,9% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu cao su sang Hoa Kỳ giảm 37,2% về khối lượng và 35,9% về giá trị.

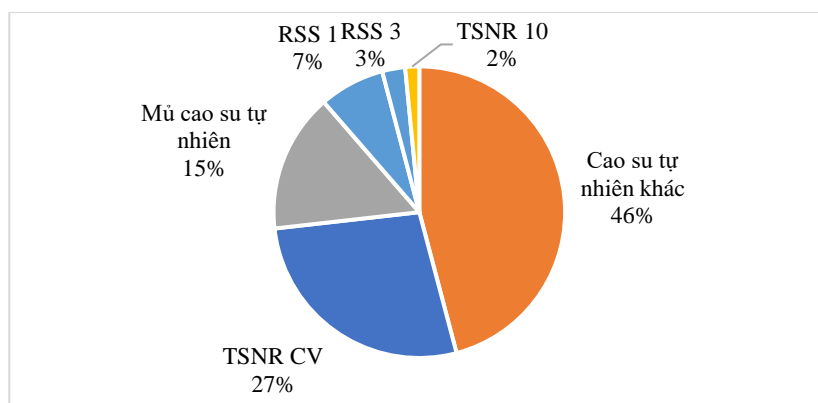
Hình 20: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 07/2022, TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4004) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt gần 1,2 triệu USD, chiếm 45,9% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ 2 là mũ cao su tự nhiên với kim ngạch 663,6 nghìn USD chiếm 15,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 1 và RSS 3 đạt giá trị lần lượt 313 nghìn USD và 109 nghìn USD chiếm 7,35% và 2,5% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là TSNR 10 chiếm 1,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

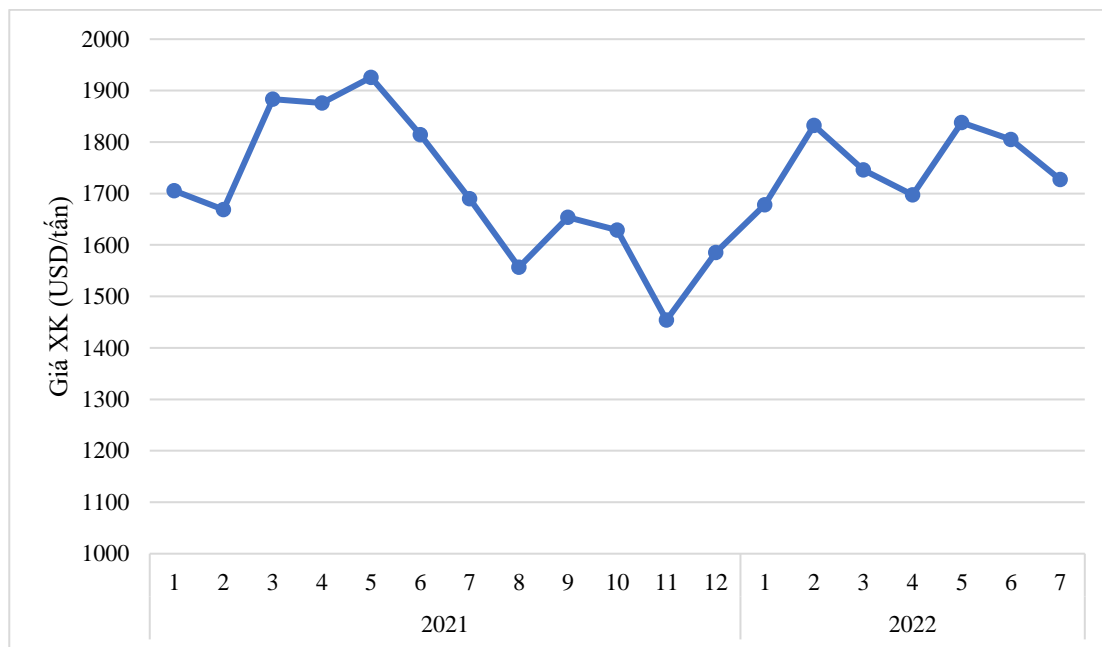
Hình 21: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 07/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 07/2022 đạt mức 1.727 USD/tấn, giảm 4,3% so với tháng trước và tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 22: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Lúa gạo

Hoa Kỳ dự báo sẽ trồng khoảng 948,2 nghìn ha lúa trong năm 2022, giảm 76,5 nghìn ha so với năm 2021. Nguyên nhân chính do California phải giảm diện tích gieo trồng do hạn hán, cũng như giá ngô và đậu tương tăng cao khiến nhiều nông dân chuyển đổi diện tích lúa sang các loại cây này.

Vào đầu tháng 8, USDA dự báo bang Texas (một trong các bang trồng nhiều lúa ở vùng miền nam Hoa Kỳ) mặc dù diện tích giảm, nhưng do thời tiết thuận lợi, năng suất có thể tăng 16,6%, qua đó sản lượng tăng 11,4%. Tuy nhiên, mức dự báo này có thể sẽ phải điều chỉnh do vào tuần cuối tháng 8 bang Texas đã phải trải qua đợt hạn hán trầm trọng gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động trồng lúa.

2. Hồ tiêu

Thị trường thế giới vật lộn với sự suy giảm nhu cầu vào năm 2022 do thâm hụt chuyển sang tồn kho dư thừa, đồng tiền mất giá, lạm phát đã tác động mạnh tới xuất khẩu hồ tiêu sang Hòa Kỳ. Không những vậy, giá vật tư đầu vào, cước tàu và nguồn nhiên liệu vẫn tăng, ảnh hưởng rất lớn tới các doanh nghiệp xuất khẩu điều trong nước.

3. Hạt điều

Hoa Kỳ là thị trường tương đối khó tính trong khâu kiểm định sản phẩm đầu vào, điều này tạo nên thách thức cho các doanh nghiệp xuất khẩu điều sang Hoa Kỳ. Lạm phát ở Hoa Kỳ, Châu Âu đang lan ra khắp thế giới, với việc giá cả các mặt hàng đều đắt đỏ như hiện nay, người dân phải chi nhiều tiền hơn cho các nhu cầu thiết yếu. Điều này dẫn đến những mặt hàng không thiết yếu như hạt điều sẽ tiêu thụ chậm và giá điều cũng rất khó tăng trong thời điểm này.

4. Thủy sản

Tồn kho cao, lạm phát, nhu cầu tiêu thụ ở thị trường Mỹ giảm khiến xuất khẩu thủy sản sang thị trường này sẽ khó khăn hơn trong giai đoạn cuối năm 2022. Dự báo, nhu cầu tiêu dùng trong nước tiếp tục có xu hướng giảm trong những tháng tới dẫn đến nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu sản phẩm thủy sản của Hoa Kỳ có xu hướng giảm nhẹ.

5. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo dự báo của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại (VITIC), triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ trong nửa cuối năm 2022 không mấy khả quan. Hiện tại, số đơn hàng xuất khẩu sang Mỹ đang có xu hướng giảm. Các doanh nghiệp ngành gỗ đang đối mặt với nhiều khó khăn về vốn, chi phí cho người lao động, nguyên liệu đầu vào.

Cùng với đó, các vụ việc điều tra lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của Mỹ đối với ngành gỗ Việt Nam đang gia tăng như gỗ dán, tủ gỗ... Ngoài ra, các mặt hàng đang

có dấu hiệu gia tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu vào Mỹ đang được Cục phòng vệ Thương mại (Bộ Công Thương) cảnh báo như ghế sofa có khung gỗ; gỗ thanh và viền dải gỗ.

6. Cao su

Hiệu ứng dây chuyền từ lạm phát, đứt gãy chuỗi cung ứng, dịch bệnh... khiến sức mua ở thị trường Hòa Kỳ với sản phẩm cao su suy giảm. Theo đánh giá của Bộ Công Thương, từ đây đến cuối năm, không chỉ ngành cao su mà hoạt động xuất khẩu sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

7. Cà phê

Cục Xuất nhập khẩu đưa ra gợi ý về quy mô thị trường cà phê Hoa Kỳ đang tăng trưởng trong vài năm gần đây và dự kiến sẽ tăng trưởng tốt, bình quân 6,74% trong giai đoạn 2020-2027. Nhờ lợi ích sức khỏe liên quan đến cà phê cùng với xu hướng tiêu dùng thay đổi được dự đoán sẽ thúc đẩy thị trường cà phê Hoa Kỳ.

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 7/2022

STT	Sản phẩm	Tháng 7/2022 (USD)	Tăng/giảm so T6/2022	Tăng /giảm so T7/2021	Tỷ trọng T7/2022
1	Cà phê	22.332.679	-15,5%	-6,2%	2,1%
2	Cao su	4.303.702	-14,9%	-35,9%	0,4%
3	Chè	573.753	-18,7%	-10,3%	0,1%
4	Gạo	1.025.436	13,5%	95,9%	0,1%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	685.036.937	-11,1%	-18,5%	64,1%
6	Hàng rau quả	21.343.634	-23,3%	-7,4%	2,0%
7	Hàng thủy sản	164.046.666	-24,4%	-30,7%	15,3%
8	Hạt điều	69.538.538	-2,6%	-36,7%	6,5%
9	Hạt tiêu	24.131.831	-1,6%	-1,4%	2,3%
10	Mây tre đan	22.724.660	-9,7%	-38,8%	2,1%
11	SP từ cao su	37.619.285	10,4%	23,3%	3,5%
12	TĂGS &NL	16.174.852	4,0%	47,5%	1,5%
Tổng XK NLTS		1,218,996,439			

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 7/2022

Loại sản phẩm	Tháng 7/2021		Tháng 7/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	555	378.447	1.267	862.921	128,5%	128,0%
Gạo trắng	148	81.841	140	84.719	-5,7%	3,5%
Các loại gạo khác	85	63.173	110	77.797	29,5%	23,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 7/2022

TT	Sản phẩm	T7/2021	T7/2022	So sánh
		(USD)	(USD)	T7.2022/T7.2021
	Tổng giá trị XK	23.056.463	21.343.634	-7,4%
1	Dừa	2.852.807	4.649.931	63,0%
2	Thanh long	3.258.280	3.353.404	2,9%
3	Sầu riêng	3.742.500	1.717.289	-54,1%
4	Nấm các loại	1.183.081	597.081	-49,5%
5	Xoài	362.556	392.164	8,2%
6	Vải	466.145	361.445	-22,5%
7	Nhãn	464.940	166.860	-64,1%
8	Bưởi		216	
9	Khác	10.726.154	10.105.243	-5,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 7/2022

Mặt hàng	T07/2021 (USD)	T07/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	19.658.353	19.785.977	0,65%
Cà phê tan	1.042.045	1.112.949	6,80%
Chưa rang đã khử cafein	1.507.882	604.619	-59,90%
Khác	1.180.550	356.012	-69,84%
Đã rang chưa khử cafein	792.475	494.718	-37,57%
Đã rang đã khử cafein	3.538	12.460	252,14%
Tổng	24.184.843	22.366.735	-7,52%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 7/2022

Loại sản phẩm	Tháng 7/2022 (USD)	Tháng 7/2021 (USD)	So sánh 2022/21(%)
Cá da trơn	31,883,363.3	32,589,321.5	-2.2%
Cá ngừ	38,273,485.8	28,369,723.0	34.9%
Cá rô phi	380,069.7	697,236.4	-45.5%
Cua, ghẹ	6,181,762.5	8,814,108.1	-29.9%

Mực và bạch tuộc	1,856,044.1	1,321,724.3	40.4%
Tôm	67,227,409.8	143,504,812.1	-53.2%
Thủy sản khác	18,244,530.8	21,261,092.4	-14.2%
Tổng	164,046,666.0	236,558,017.8	-30.7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan